TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 30/01/2019
V/v:"*Tranh chấp kiện đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dư Mỹ Linh
2. Ông Phan Ngọc Lợi

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Việt C – Sinh năm: 1988 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Anh Trần Quốc H – Sinh năm: 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Hợp tác xã Nông nghiệp nông dân H – Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn G – Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã Nông nghiệp nông dân H (Có mặt).
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
2. Ông Trần Quang M – Sinh năm: 1969 (Có mặt).
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh Bùi Việt C trình bày: Anh và anh H là anh em cột chèo và là xã viên của Hợp tác xã Nông nghiệp nông dân Hòa T, vào ngày 22/01/2017 trước khi thu hoạch vụ lúa Đông Xuân, anh H có điện thoại cho rằng bận việc nên nhờ anh đến Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H để nhận số tiền cọc lúa là 6.000.000 đồng. Sau đó, anh có liên hệ ông M – kế toán Hợp

tác xã để nhận số tiền cọc trên và ký nhận vào sổ nhận tiền. Khi Hợp tác xã mở cuộc họp Hội đồng thành viên, có thông báo cách thức giao trả tiền cọc lúa, anh không tham dự nên không biết được việc giao trả tiền nhận cọc lúa tại trụ sở Hợp tác xã hoặc tại nhà ông G. Vì vậy, anh không có thông báo cho anh H biết. Sau này, anh được mọi người nói lại nên biết được và đã thực hiện việc trả cọc đúng theo quy định. Tuy nhiên, đối với số tiền cọc lúa, anh đã nhận dùm cho anh H, anh đã nhờ người chuyển giúp cho anh H và đã được anh H xác nhận đã nhận xong. Tuy nhiên, đến tháng 3 năm 2017, sau khi thu hoạch vụ lúa Đông Xuân xong, thì Ban chủ nhiệm có cử người đến nhà anh để đòi số tiền cọc 6.000.000 đồng đã nhận cho anh H do anh H chưa trừ cọc. Do điện thoại bị hư nên không liên lạc được với anh H và vì nghĩ anh đã đứng ra nhận số tiền trên từ Hợp tác xã nên anh phải có trách nhiệm trả lại nên anh đã giao trả lại 6.000.000 đồng tiền cọc lúa cho Hợp tác xã. Sau đó, anh có gặp anh H hỏi thì anh H cho rằng đã trừ số tiền cọc trên cho Hợp tác xã xong nhưng Hợp tác xã không thừa nhận. Vì vậy, anh yêu cầu anh H phải giao trả lại cho anh số tiền cọc lúa anh đã giao cho anh H đã được anh H thừa nhận là 6.000.000 đồng. Ngoài ra, anh có yêu cầu anh H phải giao trả số tiền lãi phát sinh từ số tiền trên theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Nhưng tại phiên Tòa, anh C xác định xin rút lại yêu cầu này.

Bị đơn anh Trần Quốc H trình bày: Anh thừa nhận có nhờ anh C đến liên hệ Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H để nhận số tiền cọc lúa vụ Đông Xuân hộ anh với số tiền là 6.000.000 đồng và anh C đã hoàn giao số tiền trên cho anh xong. Bản thân anh là xã viên của Hợp tác xã nhưng khi Hợp tác xã thông báo họp cũng như phổ biến quy chế hoạt động anh không được biết. Nên khi thu hoạch vụ lúa Đông Xuân xong, thời điểm cân lúa cho chủ thu mua tại ruộng do chính người của Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H ông Trần Quang M cùng một người tên P dẫn đến. Sau khi chủ ghe lúa thu mua giao trả tiền lúa, anh đã lấy số tiền 6.000.000 đồng đưa cho anh T – Người làm công cho anh và đưa lại cho ông P người đi cùng với ông M (Kế toán Hợp tác xã). Vì vậy, số tiền cọc lúa, anh đã trừ cọc với Hợp tác xã xong nên không còn nợ. Nay anh C khởi kiện yêu cầu anh giao trả lại số tiền cọc lúa đã nhận là 6.000.000 đồng, anh không đồng ý.

Ngoài ra, anh có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H, yêu cầu Hợp tác xã giao trả lại số tiền cọc mà người của Hợp tác xã là ông Trần Quang M đã đến tại ruộng lúa của anh nhận lại.

Tại bản khai cũng như tại phiên Tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H – Người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Văn G trình bày: Anh H và anh C đều là xã viên của Hợp tác xã. Trong quá trình hoạt động, Hợp tác xã có thực hiện công việc nhận và giao tiền đặt cọc lúa cho bà con xã viên trước khi thu hoạch lúa và hợp đồng với các chủ thu mua để mua lúa của bà con xã viên. Theo quy chế hoạt động của Hợp tác xã, thì tiền cọc giao cho người dân trước đó, sau khi bán lúa cho ghe xong thì bà con xã viên có trách nhiệm mang số tiền cọc lúa đã nhận đến nhà ông để giao trả lại. Sau khi giao trả thì đồng chí Kế toán Trần Quang M của Hợp tác xã có nhiệm vụ đánh dấu chữ "R" vào quyển sổ mà bà con xã viên đã ký nhận khi nhận tiền. Nhưng anh H cho rằng có sự chỉ đạo người Hợp tác xã thu tiền tại ruộng lúa là không đúng. Việc giao trả tiền cọc lúa đã được

thông báo miệng tại cuộc họp thành viên để bà con rõ. Bởi việc thu mua lúa diễn ra nhiều nơi nên người của Hợp tác xã không đủ để đi theo thu tiền cọc tại ruộng. Vì vậy, anh H xác định người của Hợp tác xã đến ruộng thu tiền cọc lúa của anh là không có, bản thân anh H khi bán lúa xong không giao trả số tiền cọc mà anh C đã nhận hộ dùm cho Hợp tác xã theo quy định. Chính vì vậy, đồng chí M đã gặp anh C yêu cầu trả lại số tiền cọc lúa đã nhận, do anh C là người ký nhận nhận tiền. Và anh C đã trả số tiền trên cho Hợp tác xã xong. Đối với yêu cầu độc lập của anh H, ông không đồng ý với lý do Hợp tác xã không có phân công hay chỉ đạo cho các đồng chí làm việc cho Hợp tác xã thu tiền cọc tại ruộng như anh H đã trình bày. Mặc khác, sổ sách không thể hiện anh H đã trừ cọc nên anh H cho rằng đã trả cọc cho Hợp tác xã là không đúng.

Tại bản khai và tại phiên Tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang M trình bày: Ông là kế toán Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H, được ông G phân công nhiệm vụ giao nhận số tiền cọc thu mua lúa của bà con xã viên. Ngày 22/01/2017, anh C có đến gặp ông để nhận số tiền cọc lúa hộ cho anh H. Nhưng sau khi thu hoạch lúa, anh H không đem số tiền cọc lúa để giao trả lại cho Hợp tác xã theo quy định đã được phổ biến cho bà con xã viên. Ai giao trả tiền cọc ông đánh chữ "R" vào nơi ký nhận nhận tiền. Vì vậy, ông đã gặp anh C yêu cầu giao trả số tiền cọc trên do anh C đã nhận. Và anh C đã giao trả xong. Anh H khởi kiện độc lập yêu cầu Hợp tác xã giao trả lại số tiền cọc lúa 6.000.000 đồng cho rằng người của Hợp tác xã đến ruộng lúa của anh H để thu, cụ thể là ông là không đúng. Theo quy định, xã viên khi trả tiền cọc thì phải đem đến nhà ông Huỳnh Văn G giao trả để ông giở sổ đánh chữ "R" vào. Anh H không mang tiền cọc đến Hợp tác xã để giao trả, bản thân ông cũng không thu tiền cọc lúa của ông H. Còn việc ông H cho rằng ông H giao trả tiền cọc lúa cho ông P, ông không biết. Ông thừa nhận một số trường hợp thời điểm cân lúa trời tối nên có cho trừ cọc tại ruộng đối với chủ thu mua nhưng phải báo cho người của Hợp tác xã biết để gạt sổ. Bản thân ông H cho rằng giao trả tiền cọc cho chủ thu mua lúa nhưng ông cũng như người của Hợp tác xã không hề nhận được điện thoại nào của ông H báo lại.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn giải quyết vụ án, đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu tính lãi của anh C đối với số tiền 6.000.000 đồng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh C tự nguyện rút yêu cầu tính lãi, xét thấy việc rút yêu cầu này của anh C là tự nguyện nên cần được chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh C yêu cầu anh H trả 6.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện độc lập của anh H đối với Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H, xét thấy anh H thừa nhận có nhờ anh C liên hệ với Hợp tác xã Nông nghiệp nông dân Hòa T để nhận tiền đặt cọc mua lúa vào ngày 22/01/2017 và anh H đã nhận đủ tiền cọc từ anh C. Phía ông G- Người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã không thống nhất với việc anh H cho rằng có sự chỉ đạo của hợp tác xã thu tiền cọc tại ruộng. Bởi, việc thu mua lúa diễn ra nhiều nơi nên người của hợp tác xã không đủ để có thể đi

theo thu tiền cọc tại ruộng. Chỉ có thể là phó bí thư xã chỉ đạo người thu mua lúa trả tiền tại ruộng cho người dân, còn tiền cọc thì giao trả tại nhà ông. Nên anh H xác định có người của Hợp tác xã đến ruộng để nhận tiền cọc là không đúng. Trong hợp tác xã không có ai tên P, việc anh H giao trả lại 6.000.000 đồng tiền cọc cho ông P, là ai, ông không biết. Nên anh H chưa giao trả tiền cọc cho Hợp tác xã. Mặc khác, anh H xác định rằng đã giao lại số tiền cọc cho người tên P theo yêu cầu của ông M. Nhưng anh H lại không biết rõ ông P là ai, có phải là người của Hợp tác xã không, địa chỉ cụ thể của ông P ở đâu nhưng lại giao tiền cọc cho ông P thì việc anh suy luận ông P là người của hợp tác xã, anh đã giao tiền cọc cho ông P tức là đã trả cho Hợp tác xã nên anh không còn nợ tiền cọc nữa là thiếu thuyết phục, không có cơ sở xem xét chấp nhận.Về phía ông M là kế toán của hợp tác xã có nhiệm vụ giao, nhận tiền cọc lúa từ xã viên khi họ bán lúa. Việc thu tiền cọc lúa phải tuân theo quy định của hợp tác xã đã phổ biến. Do anh C nhận giùm tiền cọc của anh H, nhưng sau khi bán lúa anh H không trả tiền cọc nên anh phải yêu cầu anh C là người nhận thay tiền cọc phải trả lại cho hợp tác xã để quyết toán. Anh C đã trả đủ tiền cọc nhận giùm của anh H. Ông M không thừa nhận việc có chỉ đạo cho anh P đến để thu tiền cọc như anh H trình bày.

Căn cứ khoản 4 - Điều 11, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C và không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của anh H

+ *Về án phí:* Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS 2015, Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Anh C khởi kiện anh H yêu cầu giao trả lại số tiền 6.000.000 đồng và anh H khởi kiện độc lập yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H giao trả lại số tiền 6.000.000 đồng, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại tại Khoản 3 – Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh H có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại Khoản 1 - Điều 35; điểm a – Khoản 01 – Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Anh Bùi Việt C yêu cầu anh Trần Quốc H giao trả số tiền cọc lúa đã nhận là 6.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Theo anh C thì số tiền trên anh đã nhận tiền cọc lúa với Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H thay cho anh H. Nhưng khi anh H nhận tiền xong thì không thực hiện nghĩa vụ trả cọc cho Hợp tác xã nên Hợp tác xã đã yêu cầu anh thực hiện nghĩa vụ và anh đã trả xong. Anh đã gặp anh H yêu cầu anh H trả lại số tiền trên thì anh H không đồng ý, anh H cho rằng đã trả cọc cho Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H xong thông qua người tên P, sau khi cân lúa bán tại ruộng. Tuy nhiên, lời khai trên của anh H không được Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H thừa nhận. Nhưng anh H thừa nhận có nhận số tiền cọc 6.000.000 đồng từ anh C nhưng cho rằng đã trả xong nên không đồng ý trả cho anh H. Đây là vấn đề không cần phải chứng minh, có thể

khẳng định việc anh H nhận của anh C số tiền 6.000.000 đồng là thật. Anh H cho rằng Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H đã trừ số tiền cọc lúa trên của anh tại ruộng thông qua người tên Ph nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về anh H. Xét thấy, anh H nhận số tiền trên từ anh C thì anh H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với anh C. Trường hợp có sự thỏa thuận giao trả cho Hợp tác xã thì phải có sự thống nhất của các bên về việc chuyển giao nghĩa vụ. Trong vụ kiện này, giữa anh C và anh H không có sự thông báo cho nhau về cách thức giao trả lại số tiền cọc lúa đã nhận mà hai bên chỉ ngầm tự thực hiện. Anh H xác định đã trả số tiền 6.000.000 đồng cho Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H nhưng người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã nông nghệp nông dân H ông Huỳnh Văn G không thừa nhận anh H đã trả cho Hợp tác xã và không có sự phân công chỉ đạo người của Hợp tác xã đến ruộng lúa để thu hồi tiền cọc lúa. Nên đối với yêu cầu khởi kiện trên của anh C là có căn cứ, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 - Điều 11; Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của anh C, buộc anh H giao trả cho anh C số tiền 6.000.000 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án, anh H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh H phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 – Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi số tiền 6.000.000 đồng tính từ ngày 18/3/2017 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Nhưng tại phiên Tòa, anh C rút lại yêu cầu này, anh H cũng không ý kiến gì về việc rút yêu cầu tính lãi trên của anh C. Việc rút lại yêu cầu khởi kiện này của anh C là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của anh C.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Trần Quốc H về việc buộc Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H giao trả lại số tiền cọc lúa mà anh đã giao trả cho Hợp tác xã là 6.000.000 đồng. Anh H cho rằng số tiền trên anh đã trả cho Hợp tác xã sau khi cân lúa tại ruộng, cụ thể anh giao số tiền trên cho người tên P là người thu mua lúa do Hợp tác xã điều đến. Tuy nhiên, ông Huỳnh Văn G – Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H không thừa nhận anh H đã trả số tiền cọc lúa trên. Ông xác định theo quy chế hoạt động của Hợp tác xã, ông đã chỉ đạo và phân công ông Trần Quang M là kế toán trực tại nhà ông về việc giao tiền cọc lúa cho xã viên cũng như khi trả cọc xã viên cũng đem lại nhà ông gặp ông M trả cọc để được gạt sổ. Nhưng đối chiếu sổ ghi chép không thể hiện việc anh H trả cọc. Còn việc anh H cho rằng Hợp tác xã cử người cùng với chủ thu mua lúa lên tại ruộng lúa trừ cọc của dân là không có. Vì Hợp tác xã chỉ nhận hợp đồng với chủ thu mua lúa, có trách nhiệm điều ghe lên đồng để nhận lúa và nhận đưa cọc trước cho xã viên. Còn xã viên sau khi cân lúa bán thì chủ thu mua sẽ chi trả tiền trực tiếp. Nếu cá nhân là người của Hợp tác xã tự ý thực hiện không đúng với quy chế hoạt động của Hợp tác xã thì cá nhân đó chịu trách nhiệm. Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H không có nghĩa vụ. Mặc khác, anh H cho rằng anh đã trả số tiền 6.000.000 đồng tiền cọc cho Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H nhưng anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh rằng Hợp tác xã

nông nghiệp nông dân H đã nhận số tiền trả cọc lúa của anh. Mặc khác, anh cho rằng chính ông Trần Quang Mlà kế toán hợp tác xã dẫn người tên P lên tại ruộng lúa của anh thu mua lúa và nhận cọc. Tuy nhiên, phía ông M không thừa nhận có sự việc trên và ông M xác định phía Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H cũng không có sự chỉ đạo cho người dân trừ cọc tại ruộng. Tuy nhiên, do ông được phân công phụ trách việc giao cọc và trả cọc nên đôi khi có một vài trường hợp trừ cọc với chủ thu mua nhưng phải điện thoại báo cho ông biết và được sự đồng ý của ông. Tại phiên Tòa, anh H cũng xác định khi trả cọc anh không điện thoại cho Hợp tác xã biết vì cho rằng đó là người do Hợp tác xã dẫn đến nên Hợp tác xã phải biết. Nhưng đối với trình bày trên của anh H không được đại diện Hợp tác xã đồng ý. Mặc khác, anh H cho rằng đã trả số tiền trên cho người tên P nhưng anh không cung cấp được thông tin địa chỉ của ông P ở đâu để xác minh làm rõ ông P có phải người của Hợp tác xã cử đến và đã nhận tiền cọc lúa của anh H hay không? Từ những phân tích trên, không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh H về việc buộc Hợp tác xã nông nghiệp nông dân Hòa T giao trả số tiền cọc lúa đã nhận của anh là 6.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 - Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1,2 – Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Việt C được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 6.000.000 đồng là 300.000 đồng. Hoàn trả lại cho anh C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 8445 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

[3.2] Do yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Trần Quốc H không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 6.000.000 đồng là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 02724 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Vậy anh H còn phải tiếp tục nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 – Điều 26; điểm a - Khoản 1 - Điều 35; điểm a - Khoản 1 - Điều 39; Khoản 1 - Điều 147; Khoản 2 – Điều 244, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1,2 – Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào Khoản 4 – Điều 11; Điều 280, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Việt C.

Buộc anh Trần Quốc H giao trả cho anh Bùi Việt C số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án, anh H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh H phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 – Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Việt C về yêu cầu tính lãi của số tiền 6.000.000 đồng với lý do anh C rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Trần Quốc H về việc buộc Hợp tác xã nông nghiệp nông dân H giao trả số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 02724 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh H còn phải tiếp tục nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho anh C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 8445 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/01/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cẩm Hương